

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp máy in, máy quét mã vạch và máy tính bảng theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp máy in, máy quét mã vạch và máy tính bảng.
2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian thực hiện gói thầu: 06 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
4. Loại hợp đồng: Trọn gói.
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM, 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành Phố Hồ Chí Minh.
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: 06 tháng kể từ ngày nộp hồ sơ chào giá.
7. Yêu cầu về giá chào: Quý đơn vị có thể chào giá cho một hoặc một vài hoặc toàn bộ phần (lô). Giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 16 giờ, ngày 16 / 04 / 2024
9. Quy định về tiếp nhận thông tin và hồ sơ chào giá: Quý đơn vị thực hiện gửi hồ sơ chào giá online tại website của Bệnh viện và gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Công nghệ Thông tin Tầng 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người liên hệ: Mai Gia Hưng

Số điện thoại: (028) 39525391.

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực của nhà thầu;
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận lưu hành tự do (nếu có), catalogue sản phẩm và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác).

Trân trọng./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, CNTT (K20-016-mghung)(03)

TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



Trần Văn Đức



PHỤ LỤC. PHẠM VI CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT
(Đính kèm Công văn số 1.2.2.5./BVĐHYD-CNTT, ngày 04 tháng 04 năm 2024)

STT	Tên danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
I	Thông số kỹ thuật			
1	Máy in mã vạch có dây	Cái	16	- Công nghệ in: In truyền nhiệt qua Ribbon - Đường kính tối đa cuộn giấy in: ≥ 127 mm - Kích thước ruột cuộn giấy in: ≥ 38.1mm - Chiều rộng cuộn giấy in: 25.4 mm – 110 mm - Chiều dài nhãn in: ≥ 99 cm - Hỗ trợ cuộn mực: Mực phủ bên ngoài - Đường kính cuộn mực tối đa: ≥ 68 mm - Kích thước ruột cuộn mực: 12.7 mm, 25.4 mm - Chiều rộng cuộn mực: 30 mm – 110 mm - Chiều dài cuộn mực tối đa: "Ruột cuộn mực 25.4 mm: ≥ 300 m - Ruột cuộn mực 12.7 mm: ≥ 75 m" - Độ phân giải in: ≥ 203 dpi - Tốc độ in: Tối đa 125 mm/s - Chiều rộng in tối đa: ≥ 104 mm - Cổng kết nối: "USB, cổng mạng, serial; Khả năng mở rộng: Có khả năng mở rộng thêm cổng Ethernet và cổng Serial" - Giao thức hỗ trợ: TCP/IP-suite (TCP, UDP, ICMP, IGMP), DHCP, BOOTP, LPR, FTP - Hỗ trợ in ký hiệu mã vạch: 1D và 2D, Các ký hiệu mã vạch bao gồm: Aztec, Code 16K, Code 49, Data Matrix, Dot Code, EAN-8, EAN-13, EAN, UCC 128, Grid Matrix, HIBC 39, HIBC 128, MaxiCode, MSI (modified Plessey), PDF417, Micro PDF417, Planet, Plessey, Postnet, QR-Code, RSS-14 (variations) - Bộ nhớ: 64 MB Flash, 64 MB SDRAM, có khả năng mở rộng: lên đến 32 GB - Kích thước thiết bị : Tối đa 11.7 in x 8.9 in x 6.9 in
2	Máy quét mã vạch có dây	Cái	86	- Kiểu máy: Máy quét mã vạch có dây - Kết nối: USB, RS232, Keyboard Wedge, TGCS (IBM) 46XX over RS485 - Bàn phím hỗ trợ: Hỗ trợ hơn 90 bàn phím quốc tế - Cổng từ an ninh: Tương thích với hệ thống vô hiệu hóa Checkpoint EAS - Tốc độ quét : ≥ 305 cm/giây - Góc quét: $\geq 52^\circ \times 33^\circ$ - Cảm biến hình ảnh: $\geq 1280 \times 800$ pixels - Độ tương phản in tối thiểu: $\geq 15\%$ - Skew Tolerance: $\geq +/-60^\circ$

STT	Tên danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				- Pitch Tolerance: $\geq \pm 60^\circ$ - Roll Tolerance: 360° - Chất lượng hình ảnh: ≥ 109 PPI trên trang kích thước 4.1 in. x 5.8 in./A6 - Độ bền: chuẩn IP52 - Khả năng chống ảnh hưởng ánh sáng môi trường: Từ 0 đến 10,000 foot-candles/0 đến 107,700 Lux - Khả năng đọc mã quét: +1D: Code 39, Code 128, Code 93, Codabar/NW7, Code 11, MSI Plessey, UPC/EAN, I 2 of 5, Korean 3 of 5, GS1 DataBar, Base 32 +2D: PDF417, Micro PDF417, Composite Codes, TLC-39, Aztec, DataMatrix, MaxiCode, QR Code, Micro QR, Han Xin, Postal Codes, securPharm, DotCode, Dotted DataMatrix +OCR: OCR-A, OCR-B, MICR, Tiền tệ Mỹ" - Độ phân giải tối thiểu: Code 39: ≥ 3 mil; Code 128: ≥ 3 mil; Data Matrix: ≥ 5 mil; QR Code: ≥ 5 mil - Kích thước thiết bị : Tối đa 5.7 in. H x 3.4 in. W x 3.3 in. D
3	Máy in nhiệt	Cái	38	- Công nghệ in: In nhiệt - Độ phân giải: $\geq 203\text{dpi} \times 203\text{ dpi}$ - Tốc độ in tối đa: 200mm/giây - Giao diện kết nối: Built-in USB + Serial (9pin) hoặc Ethernet Interface - Bộ ký tự hỗ trợ: - 95 Alphanumeric, 18 set International, 128 $\times$ 43 pages (including Thai / Viet and user-defined page) - Hanzi: Simplified Chinese: GB18030-2000: 28,553 - Bar code: UPC-A, UPC-E, JAN13(EAN13), JAN8(EAN), CODE39, ITF, CODABAR(NW-7), CODE93, CODE128, GS1-128, GS1 DataBar - Two-dimensional code: PDF417, QRCode, MaxiCode, 2D GS1 DataBar, Composite Symbology" - Bộ đệm dữ liệu: $\geq 4\text{KB}$ - Chiều rộng và đường kính cuộn giấy: $79.5 \pm 0.5\text{ mm}$ - Tuổi thọ máy in: Tối thiểu 15 triệu dòng - Tuổi thọ máy máy: Tối thiểu 1.5 triệu lần cắt - MTBF: Tối thiểu 360,000 giờ - MCBF: Tối thiểu 60,000,000 dòng - Kích thước thiết bị: Tối đa 192 x 149 x 140 mm
4	Máy in laser trắng đen	Cái	131	- Công nghệ in: Đơn năng, laser trắng đen - In 2 mặt: Hỗ trợ in 2 mặt tự động - Tốc độ in đen trắng: + 1 mặt: ≥ 42 trang/ phút + 2 mặt: ≥ 33 trang / phút" - Tốc độ in trang đầu: Nhanh đến 6.5 giây

STT	Tên danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				- Độ phân giải: $\geq 1200 \times 1200$ dpi - Cổng kết nối: ≥ 1 cổng USB 2.0 - Kết nối mạng: "Cổng RJ45 10/100/1000 Gigabit Ethernet, IPsec (tiêu chuẩn), hỗ trợ xác thực 802.1x - Khả năng mở rộng: Có khả năng mở rộng thêm kết nối wireless và cổng Ethernet thứ 2" - Khả năng in thông minh: Apple AirPrint™; NFC chạm để in (tùy chọn mở rộng); Mopria™ Certified; Khả năng ROAM để in dễ dàng; Printer On Print - Bộ nhớ: ≥ 1 GB - Dung lượng lưu trữ: ≥ 4 GB - Tốc độ xử lý: ≥ 800 MHz - Thời gian khởi động: ≥ 176 sec - Khả năng chịu tải (duty cycle): ≥ 100000 trang/tháng - Hỗ trợ khay nạp giấy: "Tray 1: ≥ 100 tờ; Tray 2: ≥ 250 tờ; Khay thứ ba tùy chọn với sức chứa 550 tờ." - Hỗ trợ ngăn giấy ra: ≥ 150 tờ - Các kiểu giấy in được hỗ trợ: Giấy thường (plain), Giấy EcoEFFICIENT, Giấy nhẹ (light), Giấy nặng (heavy), Giấy bond, Giấy màu sắc (colored), Giấy chức danh (letterhead), Giấy đã in trước (preprinted), Giấy đã đục lỗ trước (prepunched), Giấy tái chế (recycled), Giấy gồ ghề (rough), Bao thư (envelopes), Nhãn (labels) - Hỗ trợ khổ giấy: A4, RA4, A5, B5, B6, A6 - Tương thích hệ điều hành: Win10, Win8.1, Win7 Ultimate, Mobile OS-, iOS, Android, Mac-, Apple MacOS - Giao thức mạng hỗ trợ: TCP/IP, IPv4, IPv6, SNMPv2/v3, HTTP/HTTPS, SSL, IPSec(IKEv1 and IKEv2), Firewall, 802.1x - Quản lý bảo mật: Xác thực thông qua Kerberos, LDAP - Hộp mực tương thích: 7CF276A Black LaserJet Toner Cartridge
5	Máy in laser màu	Cái	41	- Công nghệ in: Đơn năng, laser màu - Tốc độ in đen trắng/ màu: ≥ 22 trang/phút - Tốc độ in 2 mặt đen trắng/ màu: ≥ 13 trang/phút - Độ phân giải đen trắng/ màu: $\geq 600 \times 600$ dpi - Công nghệ Độ phân giải In: ImageRET 3600 hoặc tương đương - Tốc độ in trang trắng đen đầu tiên: Nhanh lên đến 10.20 giây - Tốc độ in trang màu đầu tiên: Nhanh lên đến 11.80 giây - Số lượng bộ mực in: 4 (Đen, lục lam, đỏ tươi, Vàng) - Màn hình: $\geq 2,7$ inch, cảm ứng - In hai mặt: Tự động (tiêu chuẩn)

STT	Tên danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				- Hỗ trợ khả năng in từ thiết bị di động: Apple AirPrint™; Mobile Apps; Wi-Fi® Direct printing; Mopria™-certified, Google Cloud Print - Kiểu giao tiếp: ≥ 1 cổng USB 2.0, Cổng RJ45 10/100 fast Ethernet, 802.11n 2.4/5GHz wireless - Công nghệ xác thực: Hỗ trợ xác thực bảo mật chuẩn 802.11x, WEB, WPA/WPA2, mã hóa qua AES hoặc TKIP; WPS; Wi-Fi Direct - Bộ nhớ : ≥ 256 MB RAM, ≥ 256 MB Flash - Tốc độ xử lý: ≥ 800 MHz - Khả năng chịu tải (duty cycle): ≥ 40000 trang/tháng - Các kiểu giấy in được hỗ trợ: Giấy (giấy bon, tờ rơi, giấy màu, giấy bóng, giấy nặng, giấy tiêu đề, giấy nhẹ, giấy ảnh, giấy thường, giấy in trước, giấy đã đục lỗ, giấy tái chế, giấy gồ ghề), Nhãn (labels), Bao thư (envelopes), Giấy cứng (cardstock) - Khổ giấy: Letter; Legal; Executive; A4; A5; A6; B5; B6; C5 - Ngăn giấy ra: ≥ 100 tờ - khay nạp giấy: ≥ 250 tờ - Tương thích hệ điều hành: Windows® 10, 8.1, 8, 7: 32-bit or 64-bit, Mac OS - Hộp mực tương thích: + "Màu đen W2110A (206A Black), + Màu lục lam W2111A (206A Cyan), + Màu vàng W2112A (206A Yellow), + Màu đỏ tươi W2113A (206A Magenta)"
6	Máy tính bảng	Cái	92	- Kích thước màn hình ≥ 10.9 inches - Công nghệ màn hình: LED nền và IPS - Độ phân giải màn hình ≥ 2360x1640 pixel với mật độ 264 pixel mỗi inch (ppi) - Độ sáng: ≥ 500 nit - Màn hình có Lớp phủ kháng dầu chống in dấu vân tay - Chip: A14 Bionic - CPU: 6 lõi - Bộ xử lý đồ họa: 4 lõi - Neural Engine: 16 lõi - Camera sau WIDE: 12MP, khẩu độ $f/1.8$. Độ thu phóng kỹ thuật số lên đến 5x. Ống kính 5 thành phần, tự động lấy nét theo pha Focus Pixels. Tự động chống rung hình ảnh, định vị ảnh, HDR thông minh thế hệ 3 hoặc mới hơn. Định dạng của hình ảnh được chụp: HEIF và JPEG - Camera trước Ultra Wide: ≥ 12MP trên cạnh ngang, trường ảnh 122°, khẩu độ $f/2.4$, HDR thông minh thế hệ 3 hoặc mới

STT	Tên danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				vị ảnh, HDR thông minh thế hệ 3 hoặc mới hơn. Định dạng của hình ảnh được chụp: HEIF và JPEG - Camera trước Ultra Wide: $\geq 12\text{MP}$ trên cạnh ngang, trường ảnh 122°, khẩu độ $f/2.4$, HDR thông minh thế hệ 3 hoặc mới hơn, Quay video HD 1080p ở tốc độ 25 fps, 30 fps, hoặc 60 fps. Hỗ trợ chế độ chụp liên tục. Video tua nhanh có chống rung, độ lệch tương phản mở rộng khi quay video ở tốc độ lên đến 30fps. - Micro: Hai micro để gọi, quay video và ghi âm - Mạng không dây: Wi-Fi 6 802.11ax; với 2x2 MIMO; tốc độ lên tới 1,2 Gbps hoặc lớn hơn, Đồng thời 2 băng tần. - Bluetooth: Hỗ trợ công nghệ Bluetooth 5.2 hoặc mới hơn - Bộ nhớ trong $\geq 64\text{ GB}$ - Pin và nguồn điện: Tích hợp pin sạc Li-Po 28,6 Wh. Thời gian lướt web bằng Wi-Fi hoặc xem video lên đến 10 giờ. Sạc qua bộ tiếp hợp nguồn hoặc qua USB-C kết nối với hệ thống máy tính - Sạc và kết nối: Cổng USB-C hỗ trợ sạc, DisplayPort, USB 2.0 (lên đến 480 Mb/s) - Cảm biến: Hỗ trợ Touch ID, con quay hồi chuyển 3 trục, gia tốc kế, áp kế, cảm biến ánh sáng môi trường - Công nghệ lưu trữ lâu dài dựa trên nền tảng điện toán đám mây - Công nghệ bảo mật quản lý định vị thiết bị toàn cầu - Hệ điều hành nâng cấp phiên bản, và cập nhật các bản vá lỗi thường xuyên.
II	Yêu cầu về chất lượng hàng hóa và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật			
1	Yêu cầu xuất xứ			- Hàng hóa mới 100%, nguyên đai nguyên kiện. - Có giấy chứng nhận xuất xứ (CO) đối với hàng nhập khẩu và chứng nhận chất lượng (CQ) khi giao hàng. - Hàng hóa được sản xuất từ năm 2023 trở về sau.
2	Yêu cầu bảo hành			- Bảo hành theo tiêu chuẩn nhà sản xuất từ 12 tháng trở lên và được hỗ trợ kỹ thuật từ nhà sản xuất hoặc được ủy quyền chính hãng tại các trung tâm bảo hành tại Việt Nam. - Thời gian bảo hành được tính từ thời điểm hai Bên nghiệm thu hàng hóa.
3	Thời gian giao hàng			Thời gian giao hàng ≤ 8 tuần kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

CÔNG TY:

ĐỊA CHỈ:

SỐ ĐIỆN THOẠI:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM

Theo công văn mời chào giá số/BVĐHYD-CNTT của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

TT	TT trong danh mục mời chào giá	Tên hàng hóa	Mã HS	Đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng (có khả năng cung ứng)	Đơn giá	Ghi chú

❖ Yêu cầu báo giá:

- Báo giá này có hiệu lực ngày kể từ ngày báo giá.

Ngày ... tháng năm 2024

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)

